

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

وَالصَّافَّاتِ صَفًّا ۝١ فَالزَّجْرَاتِ زَجْرًا ۝٢ فَالتَّلِيَّتِ ذِكْرًا ۝٣ إِنَّ
إِلَهَكُمْ لَوَاحِدٌ ۝٤ رَبُّ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا وَرَبُّ
الْمَشْرِقِ ۝٥ إِنَّا زَيْنًا السَّمَاءِ الدُّنْيَا بِزِينَةِ الْكَوَاكِبِ ۝٦ وَحِفْظًا
مِّنْ كُلِّ شَيْطَانٍ مَّارِدٍ ۝٧ لَا يَسْمَعُونَ إِلَى الْمَلَأِ الْأَعْلَىٰ وَيُقَذِفُونَ
مِنْ كُلِّ جَانِبٍ ۝٨ دُحُورًا وَلَهُمْ عَذَابٌ وَاصِبٌ ۝٩ إِلَّا مَنْ خِطَفَ
الْخُطْفَةَ فَاتَّبَعَهُ وَشِهَابٌ ثَاقِبٌ ۝١٠ فَاسْتَفْتِهِمْ أَهْمُ أَشَدُّ خَلْقًا أَمْ
مَنْ خَلَقْنَا إِنَّا خَلَقْنَاهُمْ مِنْ طِينٍ لَّازِبٍ ۝١١ بَلْ عَجَبْتَ وَيَسْخَرُونَ
۝١٢ وَإِذَا ذُكِرُوا لَا يَذْكُرُونَ ۝١٣ وَإِذَا رَأَوْا آيَةً يَسْتَسْخَرُونَ ۝١٤
وَقَالُوا إِن هَذَا إِلَّا سِحْرٌ مُّبِينٌ ۝١٥ أَمْ ذَامِنًا وَكُنَّا تُرَابًا وَعِظْمًا
أَمْ نَأْتِ الْمَبْعُوثُونَ ۝١٦ أَوْءَابَاؤُنَا الْأَوْلُونَ ۝١٧ قُلْ نَعَمْ وَأَنْتُمْ دَاخِرُونَ
۝١٨ فَإِنَّمَا هِيَ زَجْرَةٌ وَاحِدَةٌ فَإِذَا هُمْ يَنْظُرُونَ ۝١٩ وَقَالُوا أَيَوَيَّلْنَا
هَذَا يَوْمَ الدِّينِ ۝٢٠ هَذَا يَوْمُ الْفَصْلِ الَّذِي كُنْتُمْ بِهِ تُكَذِّبُونَ ۝٢١
* أَحْسِرُوا الَّذِينَ ظَلَمُوا وَأَزْوَاجَهُمْ وَمَا كَانُوا يَعْبُدُونَ ۝٢٢ مِنْ دُونِ
اللَّهِ فَأَهْدُوهُمْ إِلَى صِرَاطِ الْجَحِيمِ ۝٢٣ وَقِفُوهُمْ إِنَّهُمْ مَسْئُولُونَ ۝٢٤

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- (Thề) bởi những vị (Thiên thần) đứng sắp hàng chỉnh tề.
- 2.- Những vị kéo đưa (mây) đi (một cách khéo léo).
- 3.- Những vị tuyên đọc Lời Nhắc nhở (Qur'ān).
- 4.- Thật sự Thượng Đế của các ngươi là Một (Duy nhất).
- 5.- *Rabb* của các tầng trời và trái đất và của vạn vật giữa trời đất và là *Rabb* của những điểm của mặt trời mọc (ở phương Đông).
- 6.- Quả thật! *TA* đã trang hoàng tầng trời thấp với các vì sao;
- 7.- Và canh giữ nó xa khỏi từng tên Shaytān phản nghịch;
- 8.- Chúng không nghe trộm được hội nghị trên cao và bị đánh đuổi từ khắp nơi.
- 9.- Chúng bị tống đi xa. Và chúng sẽ vĩnh viễn bị trừng phạt.
- 10.- Ngoại trừ tên nào lén giật (tin tức) và bị đánh bằng một lửa ngọn đỏ.
- 11.- Hãy hỏi họ phải chăng họ khó tạo hay là ai khác mà *TA* đã tạo (khó hơn)? Quả thật, *TA* đã tạo họ từ một loại đất sét nhão, dính.
- 12.- Không, Ngươi ngạc nhiên về việc họ chế giễu.
- 13.- Và khi được nhắc nhở, họ không lưu tâm;
- 14.- Và khi thấy một Dấu hiệu họ mang nó ra bỡn cợt;
- 15.- Và bảo: “(Qur'ān) này chỉ là trò ảo thuật hiển hiện!”
- 16.- “Khi chúng tôi chết và thành đất bụi và xương khô, chúng tôi sẽ được phục sinh trở lại hay sao?”
- 17.- “Kể cả tổ tiên xa xưa của chúng tôi nữa ư?”
- 18.- Hãy bảo họ: “Vâng, đúng thế. Và các ngươi sẽ bị hạ nhục.”
- 19.- Do đó, chỉ cần một tiếng gầm duy nhất thì lúc đó họ sẽ thấy,
- 20.- Và sẽ than: “Thật khổ thân chúng tôi! Đây là Ngày Xét xử!”
- 21.- “Đây là Ngày phân loại mà các người đã từng cho là giả tạo.”
- 22.- (Có lệnh phán): “Hãy tập trung những ai làm điều sai quấy và bạn đồng hành của chúng và những vật mà chúng đã tôn thờ,
- 23.- “Không phải Allah, rồi đưa chúng đến con đường dẫn vào Hỏa ngục;
- 24.- “Nhưng hãy bắt chúng dừng lại! Bởi vì chúng phải bị tra hỏi.

مَا لَكُمْ لَا تَنصَرُونَ ﴿٢٥﴾ بَلْ هُمْ أَيُّومٍ مُّسْتَسَامُونَ ﴿٢٦﴾ وَأَقْبَلَ بَعْضُهُمْ
 عَلَى بَعْضٍ يَتَسَاءَلُونَ ﴿٢٧﴾ قَالُوا إِنَّا كُنْتُمْ تَأْتُونَنَا عَنِ الْيَمِينِ ﴿٢٨﴾
 قَالُوا بَلْ لَمْ تَكُونُوا مُؤْمِنِينَ ﴿٢٩﴾ وَمَا كَانَ لَنَا عَلَيْكُمْ مِنْ سُلْطَانٍ
 بَلْ كُنْتُمْ قَوْمًا طَٰغِينَ ﴿٣٠﴾ فَحَقَّ عَلَيْنَا قَوْلُ رَبِّنَا إِنَّا لَذَٰبِقُونَ ﴿٣١﴾
 فَأَغْوَيْنَاكُمْ إِنَّا كُنَّا غَاوِينَ ﴿٣٢﴾ فَإِنَّهُمْ يَوْمَئِذٍ فِي الْعَذَابِ مُشْتَرِكُونَ
 ﴿٣٣﴾ إِنَّا كَذَلِكْ نَفْعَلُ بِالْمُجْرِمِينَ ﴿٣٤﴾ إِنَّهُمْ كَانُوا إِذَا قِيلَ لَهُمْ
 لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ يَسْتَكْبِرُونَ ﴿٣٥﴾ وَيَقُولُونَ إِنَّا لَتَارِكُوآءِ الْهَيْتِنَا
 لِشَاعِرٍ مُّجْنُونٍ ﴿٣٦﴾ بَلْ جَاءَ بِالْحَقِّ وَصَدَقَ الْمُرْسَلِينَ ﴿٣٧﴾ إِنَّا كُرِّ
 لَذَٰبِقُوا الْعَذَابِ الْأَلِيمِ ﴿٣٨﴾ وَمَا تُحْزَنُونَ إِلَّا مَا كُنْتُمْ تَعْمَلُونَ
 ﴿٣٩﴾ إِلَّا عِبَادَ اللَّهِ الْمُخْلَصِينَ ﴿٤٠﴾ أُولَٰئِكَ لَهُمْ رِزْقٌ مَّعْلُومٌ ﴿٤١﴾
 فَوَاكِهِ وَهُمْ مُّكْرَمُونَ ﴿٤٢﴾ فِي جَنَّتِ النَّعِيمِ ﴿٤٣﴾ عَلَى سُرُرٍ مُّتَقَابِلِينَ
 ﴿٤٤﴾ يُطَافُ عَلَيْهِمْ بِكَأْسٍ مِنْ مَّعِينٍ ﴿٤٥﴾ بِيَضَاءٍ لَذَّةٍ لِلشَّارِبِينَ
 ﴿٤٦﴾ لَا فِيهَا غَوْلٌ وَلَا هُمْ عَنْهَا يُنْزَفُونَ ﴿٤٧﴾ وَعِنْدَهُمْ قَاصِرَاتُ
 الطَّرْفِ عِينٌ ﴿٤٨﴾ كَأَنَّهُنَّ بَيْضٌ مَّكْنُونٌ ﴿٤٩﴾ فَأَقْبَلَ بَعْضُهُمْ عَلَى
 بَعْضٍ يَتَسَاءَلُونَ ﴿٥٠﴾ قَالَ قَائِلٌ مِنْهُمْ إِنِّي كَانَ لِي قَرِينٌ ﴿٥١﴾

- 25.- “Các người có chuyện gì? Tại sao các người không giúp đỡ lẫn nhau?
 26.- Không, Ngày đó chúng sẽ tự nạp mình (chịu phạt).
 27.- Chúng sẽ quay lại hỏi nhau.
 28.- Chúng bảo: “Rõ các anh là những người đã đến gặp chúng tôi bên phải.”
 29.- “Không, các anh mới là những người không tin tưởng.
 30.- “Chúng tôi đâu có quyền bắt các anh nghe theo. Không, các anh mới là đám người bất tuân.
 31.- “Bởi thế, Lời (phán) của *Rabb* của chúng tôi xác nhận đúng đối với chúng tôi. Chúng tôi buộc phải ném (hình phạt thôi).
 32.- “Do đó, chúng tôi đã dắt các anh đi lạc; và chúng tôi cũng lầm lạc.”
 33.- Bởi thế, vào Ngày đó chúng sẽ cùng nhau san sẻ hình phạt.
 34.- Quả thật, *TA* sẽ xử lý những kẻ tội lỗi đúng như thế.
 35.- Quả thật chúng là những kẻ, khi được nhắc: ‘Không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Allah (là Thượng Đế)’, đã tỏ ra ngạo mạn;
 36.- Và chúng bảo: “Sao! chúng tôi phải bỏ các thần linh của chúng tôi chỉ vì một tên thi sĩ mất trí (Muhammad) hay sao?”
 37.- Không! Người mang Chân Lý đến để xác nhận lại các Sứ giả.
 38.- Rõ thật, các người sẽ phải ném hình phạt đau đớn;-
 39.- Và sẽ bị trừng phạt chỉ bởi những điều mà các người đã làm;-
 40.- Ngoại trừ các bầy tôi chân thành (trong sạch) của Allah.
 41.- Họ là những người sẽ hưởng bổng lộc được biết rõ:
 42.- Trái cây (hoa quả); và họ sẽ được vinh dự,
 43.- Trong những Ngôi vườn hạnh phúc (của Thiên Đàng),
 44.- (Nằm nghỉ) đối diện trên những chiếc tràng kỷ cao,
 45.- Một cốc (rượu) trong sẽ được chuyển vòng đi cho từng người;
 46.- Trong vắt, ngọt lịm, làm cho người uống thích thú,
 47.- Không làm cho họ nhức đầu, đau bụng... và choáng váng.
 48.- Bên cạnh họ sẽ là những trinh nữ với mắt to xinh đẹp, e-lệ nhìn;
 49.- (Mắt xinh) như những quả trứng non được giữ kỹ.
 50.- Rồi họ quay sang hỏi nhau;
 51.- Một người của họ lên tiếng bảo: “Tôi có một người bạn thân,

يَقُولُ أَءِنَّكَ لَمِنَ الْمُصَدِّقِينَ ﴿٥٢﴾ أءِ ذَامِنًا وَكُنَّا تَرَابًا وَعِظْمًا ءِإِنَّا
لَمَدِينُونَ ﴿٥٣﴾ قَالَ هَلْ أَنْتُمْ مُّطَّلِعُونَ ﴿٥٤﴾ فَأَطَّلَعَ فَرَأَاهُ فِي سَوَاءِ
الْجَحِيمِ ﴿٥٥﴾ قَالَ تَاللَّهِ إِنِ كِدَّتْ لَتُرْدِينَ ﴿٥٦﴾ وَلَوْلَا نِعْمَةُ رَبِّي
لَكُنْتُ مِنَ الْمُحْضَرِينَ ﴿٥٧﴾ أَفَمَا نَحْنُ بِمَيِّتِينَ ﴿٥٨﴾ إِلَّا مَوْتَتَنَا
الْأُولَىٰ وَمَا نَحْنُ بِمُعَذَّبِينَ ﴿٥٩﴾ إِنَّ هَذَا هُوَ الْفَوْزُ الْعَظِيمُ ﴿٦٠﴾
لِمِثْلِ هَذَا فَلْيَعْمَلِ الْعَامِلُونَ ﴿٦١﴾ أَذَلِكَ خَيْرٌ نُزُلًا أَمْ شَجَرَةُ
الزَّقُومِ ﴿٦٢﴾ إِنَّا جَعَلْنَاهَا فِتْنَةً لِلظَّالِمِينَ ﴿٦٣﴾ إِنَّهَا شَجَرَةٌ
تَخْرُجُ فِي أَصْلِ الْجَحِيمِ ﴿٦٤﴾ طَلْعُهَا كَأَنَّهُ رُءُوسُ الشَّيَاطِينِ
﴿٦٥﴾ فَإِنَّهُمْ لَا يَكُونُ مِنْهَا فَمَا يَكُونُ مِنْهَا الْبُطُونَ ﴿٦٦﴾ ثُمَّ إِنَّ لَهُمْ
عَلَيْهَا شُوبًا مِّنْ حَمِيمٍ ﴿٦٧﴾ ثُمَّ إِنَّ مَرَجِعَهُمْ لِآلِ الْجَحِيمِ ﴿٦٨﴾
إِنَّهُمْ أَفْوَاءٌ أَبَاءَهُمْ ضَالِّينَ ﴿٦٩﴾ فَهُمْ عَلَىٰءِ أَثَرِهِمْ يُهْرَعُونَ ﴿٧٠﴾
وَلَقَدْ ضَلَّ قَبْلَهُمْ أَكْثَرُ الْأَوَّلِينَ ﴿٧١﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا فِيهِمْ
مُنذِرِينَ ﴿٧٢﴾ فَأَنْظَرُوا كَيْفَ كَانَتْ عَاقِبَةُ الْمُنذِرِينَ ﴿٧٣﴾
إِلَّا عِبَادَ اللَّهِ الْمُخْلَصِينَ ﴿٧٤﴾ وَلَقَدْ نَادَيْنَا نُوْحًا فَلْنِعْمَ
الْمُجِيبُونَ ﴿٧٥﴾ وَنَجَّيْنَاهُ وَأَهْلَهُ مِنَ الْكَرْبِ الْعَظِيمِ ﴿٧٦﴾

- 52.- “Anh ta thường bảo: 'Phải chăng anh là một người có đức tin;
- 53.- “Phải chăng sau khi chết và thành cát bụi và xương khô, chúng ta sẽ được (dựng sống lại) để chịu xét xử?”
- 54.- (Một người của họ) bảo: “Há các anh thử nhìn xuống?”
- 55.- Anh ta nhìn xuống và thấy mình đang ở trong Lửa (Hỏa Ngục).
- 56.- Anh ta bảo: “Thề bởi Allah! Chút xíu nữa là anh đã hại tôi!
- 57.- “Nếu không do Ân huệ của *Rabb* của tôi thì chắc chắn tôi đã là một trong những người bị đưa đến (Hỏa ngục)!
- 58.- “Phải chăng chúng ta sẽ không chết nữa?
- 59.- “Ngoại trừ cái chết đầu tiên của chúng ta và chúng ta sẽ không bị trừng phạt?”
- 60.- Chắc chắn, đó là một sự thành tựu lớn lao!
- 61.- Vì hình ảnh này, những người làm việc hãy cố gắng làm (tốt).
- 62.- Phải chăng điều (thành tựu) đó tốt hay cây *Zaqqūm* tốt hơn?
- 63.- Quả thật, *TA* làm ra nó để trừng phạt những tên làm điều sai quấy.
- 64.- Đó là một loại cây mọc từ dưới đáy của Hỏa ngục,
- 65.- Chồi non của nó giống như đầu của bọn *Shaytān*.
- 66.- Thật sự, chúng sẽ ăn nhét nó vào đầy bụng.
- 67.- Và sẽ được cho uống một loại nước sôi '*hamīm*' lên trên.
- 68.- Rồi chúng sẽ được đưa vào Hỏa ngục trở lại.
- 69.- Quả thật, chúng thấy cha mẹ của chúng lầm lạc;
- 70.- Nhưng chúng lại ùn ùn chạy theo bước chân của họ!
- 71.- Và chắc chắn, đa số các người xưa trước chúng cũng đã lầm lạc;-
- 72.- Và chắc chắn, *TA* đã cử những người báo trước đến với họ;-
- 73.- Bởi thế, hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ đã được cảnh cáo (nhưng làm ngơ) đã xảy ra như thế nào.
- 74.- Ngoại trừ các bầy tôi chân thành (trong sạch) của Allah.
- 75.- Chắc chắn (khi xưa) *Nūh* đã cầu nguyện *TA*. Bởi thế, *TA* là Đấng Ưu việt đáp lại lời cầu xin (của Người).
- 76.- Và *TA* đã giải cứu Người và gia đình của Người thoát khỏi đại-họa.

وَجَعَلْنَا ذُرِّيَّتَهُ هُمْ الْبَاقِينَ ﴿٧٧﴾ وَتَرَكْنَا عَلَيْهِ فِي الْآخِرِينَ ﴿٧٨﴾ سَلَّمَ
 عَلَى نُوحٍ فِي الْعَالَمِينَ ﴿٧٩﴾ إِنَّا كَذَلِكَ نَجْزِي الْمُحْسِنِينَ ﴿٨٠﴾ إِنَّهُ
 مِنْ عِبَادِنَا الْمُؤْمِنِينَ ﴿٨١﴾ ثُمَّ أَغْرَقْنَا الْآخِرِينَ ﴿٨٢﴾ * وَإِنَّ مِنْ
 شِيعَتِهِ لِبَرَاهِيمَ ﴿٨٣﴾ إِذْ جَاءَ رَبَّهُ بِقَلْبٍ سَلِيمٍ ﴿٨٤﴾ إِذْ قَالَ
 لِأَبِيهِ وَقَوْمِهِ مَاذَا تَعْبُدُونَ ﴿٨٥﴾ أَفِيكَاءِ الْهَتَاءِ دُونَ اللَّهِ تَرِيدُونَ
 ﴿٨٦﴾ فَمَا ظَنُّكُمْ بِرَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿٨٧﴾ فَنَظَرَ نَظْرَةً فِي النُّجُومِ ﴿٨٨﴾
 فَقَالَ إِنِّي سَقِيمٌ ﴿٨٩﴾ فَتَوَلَّوْا عَنْهُ مُدْبِرِينَ ﴿٩٠﴾ فَرَاغَ إِلَىٰ آيَةِ الْهَيْمَمِ
 فَقَالَ آتَاكُمْ كُؤُونَ ﴿٩١﴾ مَا لَكُمْ لَا تَنْطِقُونَ ﴿٩٢﴾ فَرَاغَ عَلَيْهِمْ ضَرْبًا
 بِالْيَمِينِ ﴿٩٣﴾ فَأَقْبَلُوا إِلَيْهِ يَزْفُونَ ﴿٩٤﴾ قَالَ أتعْبُدُونَ مَا تَنْحِتُونَ
 ﴿٩٥﴾ وَاللَّهُ خَلَقَكُمْ وَمَا تَعْمَلُونَ ﴿٩٦﴾ قَالُوا ابْنُوا لَهُ بُنْيَانًا فَأَلْقُوهُ
 فِي الْجَحِيمِ ﴿٩٧﴾ فَأَرَادُوا بِهِ كَيْدًا فَجَعَلْنَاهُمُ الْأَسْفَلِينَ ﴿٩٨﴾
 وَقَالَ إِنِّي ذَاهِبٌ إِلَىٰ رَبِّي سَيَهْدِينِ ﴿٩٩﴾ رَبِّ هَبْ لِي مِنَ الصَّالِحِينَ
 ﴿١٠٠﴾ فَبَشَّرْنَاهُ بِغُلَامٍ حَلِيمٍ ﴿١٠١﴾ فَلَمَّا بَلَغَ مَعَهُ السَّعْيَ قَالَ يَبْنَئِي
 إِنِّي أَرَىٰ فِي الْمَنَامِ أَنِّي أَذْبَحُكَ فَانظُرْ مَاذَا تَرَىٰ قَالَ يَا بَتِ
 أَفَعَلَ مَا تُمْرُرُ سَتَجِدُنِي إِنْ شَاءَ اللَّهُ مِنَ الصَّابِرِينَ ﴿١٠٢﴾

- 77.- Và TA đã làm cho dòng dõi của Người sống sót.
- 78.- Và TA đã để lại cho Người nơi hậu thế (lời chúc phúc):
- 79.- *Salam* (Sự Bằng an) cho Nūh trong thế gian
- 80.- Quả thật, TA đã trọng thưởng những người làm tốt như thế.
- 81.- Bởi vì rõ thật, Người là một người bề tôi có đức tin của TA.
- 82.- Rồi, TA nhận chết chìm các tên (tội lỗi) khác.
- 83.- Và *Ibrāhīm* đã thực sự nhập phái (tôn giáo) của Người (Nūh).
- 84.- Khi Người đến với *Rabb* của Người với một tấm lòng trong sạch.
- 85.- Khi Người thưa với phụ thân và người dân: “Quý vị tôn thờ gì vậy?”
- 86.- “Phải chăng là một điều giả tạo việc quý vị muốn (tôn thờ) các thần linh khác thay vì Allah?”
- 87.- “Thế quý vị nghĩ sao về Đấng *Rabb* của vũ trụ và muôn loài?”
- 88.- Rồi Người (*Ibrāhīm*) liếc nhìn các vì sao (trên trời),
- 89.- Rồi bảo: “Người tôi muốn bênh
- 90.- Bởi thế, họ (người dân) ra đi, bỏ Người ở lại.
- 91.- Rồi Người lên đi gặp các tượng thần của họ. Người hỏi chúng “Các ông không ăn (các món cúng trước mặt) hay sao?”
- 92.- “Các ông có chuyện gì vậy? Sao các ông không chịu nói?”
- 93.- Rồi Người nhẩy xổ đến đưa tay phải ra đập bẻ chúng.
- 94.- Sau đó, họ (người dân) vội vã chạy đến gặp Người.
- 95.- Người bảo họ: “Quý ông tôn thờ những bức tượng do quý ông tạc ư?”
- 96.- “Trong lúc Allah tạo ra quý ông và những vật mà quý ông làm.”
- 97.- Họ bảo: “Hãy xây một tòa nhà cho nó rồi bắt nó thảy vào lửa cháy!”
- 98.- Họ đã bày mưu hãm hại Người, nhưng TA đã hạ nhục họ.
- 99.- Và Người bảo: “Ta sẽ đi gặp *Rabb* của ta. Ngài sẽ hướng dẫn ta.”
- 100.- “Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi một đứa (con) đức hạnh.”
- 101.- Bởi thế, TA ban cho Người tin mừng về một đứa con trai chịu đựng.
- 102.- Đến khi trẻ đến tuổi biết chạy cùng với Người, Người bảo đứa con: “Này con yêu dấu! Cha thấy trong mộng việc cha sẽ tế con. Thế con nghĩ sao? (*Ismā'īl*) đáp: “Thưa cha! Cha cứ làm theo lệnh truyền. Cha sẽ thấy, nếu Allah muốn, con sẽ là một đứa con kiên nhẫn.”

فَلَمَّا أَسْلَمَا وَتَلَّهُ لِلْجَبِينِ ﴿١١٣﴾ وَنَدَيْنَاهُ أَنْ يَا إِبْرَاهِيمُ ﴿١١٤﴾
 قَدْ صَدَّقْتَ الرُّءْيَىٰ إِنَّا كَذَلِكَ نَجْزِي الْمُحْسِنِينَ ﴿١١٥﴾ إِنَّ
 هَذَا لَهُوَ الْبَلَاءُ الْمُبِينُ ﴿١١٦﴾ وَفَدَيْنَاهُ بِذَبْحٍ عَظِيمٍ ﴿١١٧﴾ وَتَرَكْنَا
 عَلَيْهِ فِي الْآخِرِينَ ﴿١١٨﴾ سَلَامٌ عَلَىٰ إِبْرَاهِيمَ ﴿١١٩﴾ كَذَلِكَ نَجْزِي
 الْمُحْسِنِينَ ﴿١٢٠﴾ إِنَّهُ وَمَنْ عِبَادِنَا الْمُؤْمِنِينَ ﴿١٢١﴾ وَبَشَّرْنَاهُ
 بِإِسْحَاقَ نَبِيًّا مِّنَ الصَّالِحِينَ ﴿١٢٢﴾ وَبَرَكَاتٍ عَلَيْهِ وَعَلَىٰ إِسْحَاقَ
 وَمِنْ ذُرِّيَّتِهِمَا مُحْسِنٌ وَظَالِمٌ لِّنَفْسِهِ مُبِينٌ ﴿١٢٣﴾ وَلَقَدْ مَنَّا
 عَلَىٰ مُوسَىٰ وَهَارُونَ ﴿١٢٤﴾ وَنَجَّيْنَاهُمَا وَقَوْمَهُمَا مِنَ الْكَرْبِ
 الْعَظِيمِ ﴿١٢٥﴾ وَنَصَرْنَاهُمْ فَكَانُوا هُمُ الْغَالِبِينَ ﴿١٢٦﴾ وَآتَيْنَاهُمَا
 الْكِتَابَ الْمُسْتَبِينَ ﴿١٢٧﴾ وَهَدَيْنَاهُمَا الصِّرَاطَ الْمُسْتَقِيمَ
 ﴿١٢٨﴾ وَتَرَكْنَا عَلَيْهِمَا فِي الْآخِرِينَ ﴿١٢٩﴾ سَلَامٌ عَلَىٰ مُوسَىٰ
 وَهَارُونَ ﴿١٣٠﴾ إِنَّا كَذَلِكَ نَجْزِي الْمُحْسِنِينَ ﴿١٣١﴾ إِنَّهُمَا
 مِنْ عِبَادِنَا الْمُؤْمِنِينَ ﴿١٣٢﴾ وَإِنَّ إِلْيَاسَ لِمِنَ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٣٣﴾
 إِذْ قَالَ لِقَوْمِهِ أَالَاتِقُونَ ﴿١٣٤﴾ أَتَدْعُونَ بَعْلًا وَتَذَرُونَ أَحْسَنَ
 الْخَالِقِينَ ﴿١٣٥﴾ اللَّهُ رَبُّكُمْ وَرَبَّ آبَائِكُمُ الْأُولَىٰ ﴿١٣٦﴾

- 103.- Thế nên, khi hai cha con cùng nạp mình thần phục (Allah), Người (cha) bắt đứa con quì gục đầu xuống đất, (để tế);
- 104.- Thì TA gọi Người, (phán bảo): “Này hỡi Ibrāhīm!
- 105.- “Nhà ngươi đã hoàn tất điều (thấy) trong mộng.” Quả thật! TA ân thưởng những người làm tốt như thế.
- 106.- Quả thật, đây là một sự thử thách công khai cho Người.
- 107.- Và TA đã chuộc mạng đứa trẻ (Ismā'īl) bằng một con vật tế lớn.
- 108.- Và TA đã để lại cho Người nơi hậu thế (Lời chúc phúc):
- 109.- “*Salām* (Sự Bằng an) cho Ibrāhīm.”
- 110.- TA ân thưởng những người làm tốt như thế.
- 111.- Quả thật, Người là một người bề tôi có đức tin của TA.
- 112.- Và TA ban cho Người tin mừng về Ishāq (sau này trở thành) một *Nabi* trong số những người đức hạnh.
- 113.- Và TA đã ban phúc cho Người và Ishāq nhưng trong con cháu của hai người (Ibrāhīm và Ishāq) có một số làm tốt và có một số đã công khai tự hại bản thân mình.
- 114.- Và chắc chắn TA đã ban ân cho *Mūsa* và *Hārūn*.
- 115.- Và đã giải cứu hai người và người dân của hai người thoát khỏi đại họa;
- 116.- Và đã trợ giúp hai người chiến thắng;
- 117.- Và đã ban cho hai người một Kinh sách sáng tỏ;
- 118.- Và đã hướng dẫn hai người theo Chính đạo;
- 119.- Và TA đã để lại cho hai người nơi hậu thế (Lời chúc phúc):
- 120.- “*Salām* (Bằng an) cho *Mūsa* và *Hārūn*!”
- 121.- Quả thật, TA ân thưởng những người làm tốt như thế.
- 122.- Quả thật, hai người là bề tôi có đức tin của TA.
- 123.- Và quả thật, *Ilyās* (Elias) là một trong các Sứ giả (của Allah).
- 124.- Khi Người bảo người dân của Người: “Các người không sợ Allah ư?
- 125.- “Phải chăng các người cầu nguyện *Ba'l* và bỏ rơi Đấng Tạo Hóa Ưu việt,
- 126.- “Allah, *Rabb* của các người và của tổ tiên xa xưa của các người ư?”

فَكَذَّبُوهُ فَإِنَّهُمْ لَمُحْضَرُونَ ﴿١٢٧﴾ إِلَّا عِبَادَ اللَّهِ الْمُخْلَصِينَ ﴿١٢٨﴾
 وَتَرَكَنا عَلَيْهِ فِي الْأَخْرِيں ﴿١٢٩﴾ سَلَّمَ عَلَى آلِ يَاسِينَ ﴿١٣٠﴾ إِنَّا
 كَذَلِكَ نَجْزِي الْمُحْسِنِينَ ﴿١٣١﴾ إِنَّهُ مِنْ عِبَادِنَا الْمُؤْمِنِينَ
 ﴿١٣٢﴾ وَإِنَّ لَوْطًا لَمِنَ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٣٣﴾ إِذْ نَجَّيْنَاهُ وَأَهْلَهُ وَأَجْمَعِينَ
 ﴿١٣٤﴾ إِلَّا عَجُوزًا فِي الْغَابِرِينَ ﴿١٣٥﴾ ثُمَّ دَمَّرْنَا الْأَخْرِيں ﴿١٣٦﴾ وَإِنَّكُمْ
 لَتَمُرُّونَ عَلَيْهِمْ مُصْبِحِينَ ﴿١٣٧﴾ وَبِاللَّيْلِ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ﴿١٣٨﴾ وَإِنَّ
 يُوسُفَ لَمِنَ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٣٩﴾ إِذْ أَبَقَ إِلَى الْفُلْكِ الْمَشْحُونِ ﴿١٤٠﴾
 فَسَاهَمَ فَكَانَ مِنَ الْمُدْحَضِينَ ﴿١٤١﴾ فَالْتَقَمَهُ الْحُوتُ وَهُوَ مُلِيمٌ
 ﴿١٤٢﴾ فَلَوْلَا أَنَّهُ كَانَ مِنَ الْمُسَبِّحِينَ ﴿١٤٣﴾ لَلَبِثَ فِي بَطْنِهِ إِلَى يَوْمِ
 يُبْعَثُونَ ﴿١٤٤﴾ * فَبَدَّنْهُ بِالْعَرَاءِ وَهُوَ سَقِيمٌ ﴿١٤٥﴾ وَأَنْبَتْنَا
 عَلَيْهِ شَجَرَةً مِّنْ يَقْطِينٍ ﴿١٤٦﴾ وَأَرْسَلْنَاهُ إِلَى مِائَةِ أَلْفٍ أَوْ
 يَزِيدُونَ ﴿١٤٧﴾ فَآمَنُوا فَمَتَّعْنَاهُمْ إِلَى حِينٍ ﴿١٤٨﴾ فَاسْتَفْتَاهُمْ
 الرَّبُّكَ الْبَنَاتُ وَلَهُمُ الْبَنُونَ ﴿١٤٩﴾ أَمْ خَلَقْنَا الْمَلَائِكَةَ إِنثًا
 وَهُمْ شَاهِدُونَ ﴿١٥٠﴾ أَلَا إِنَّهُمْ مِّنْ إِفْكِهِمْ لَيَقُولُونَ ﴿١٥١﴾ وَوَلَدَ
 اللَّهُ وَإِنَّهُمْ لَكَاذِبُونَ ﴿١٥٢﴾ أَصْطَفَى الْبَنَاتِ عَلَى الْبَنِينَ ﴿١٥٣﴾

- 127.- Nhưng họ phủ nhận Người. Bởi thế, họ sẽ bị dẫn đến (Lửa),
- 128.- Ngoại trừ bấy tôi trong sách của Allah.
- 129.- Và TA đã để lại cho Người nơi hậu thế (Lời chúc phúc):
- 130.- 'Salām (Sự Bằng an) cho Ilyās (Elias)!"
- 131.- Quả thật, TA ân thưởng những người làm tốt như thế.
- 132.- Quả thật, Người là một người bề tôi có đức tin của TA.
- 133.- Và quả thật, Lūt (Lót) là một trong các Sứ giả (của Allah).
- 134.- Khi TA giải cứu Người và gia đình của Người, tất cả,
- 135.- Ngoại trừ một bà lão (vợ của Lūt) trong số người ở lại đằng sau.
- 136.- Rồi TA đã tiêu diệt số người còn lại.
- 137.- Và quả thật, các người đi ngang qua (chỗ của) họ vào buổi sáng;
- 138.- Và ban đêm. Thế các người không hiểu hay sao?
- 139.- Và quả thật, Yūnus là một trong các Sứ giả (của Allah).
- 140.- Khi Người bỏ chạy đến một chiếc tàu chở đầy người.
- 141.- Người chịu rút thăm và Người thua cuộc.
- 142.- Do đó, một con cá lớn nuốt Người vào bụng bởi vì Người đã phạm một điều đáng trách.
- 143.- Nếu không là người (biết ăn năn sám hối và) tán dương Allah,
- 144.- Thì Người đã phải ở trong bụng cá cho đến Ngày Phục sinh.
- 145.- Nhưng TA đã quăng Người lên một bờ biển trống trải trong lúc Người đang bệnh;
- 146.- Và TA đã khiến cho cây bầu mọc phủ mình Người;
- 147.- Và TA cử Người cho một trăm ngàn người dân hoặc nhiều hơn.
- 148.- Do đó, họ có đức tin. Và TA đã cho họ hưởng lạc một thời gian.
- 149.- Hãy hỏi họ (những người Quraish thờ đa thần): “Phải chăng con gái thuộc về Rabb của Người, còn con trai là của họ?”
- 150.- “Hoặc phải chăng họ đã chứng kiến việc TA đã tạo hóa các Thiên thần thành nữ giới?
- 151.- Ô này! Rõ thật, họ đã nói dối khi họ nói:
- 152.- “Allah đã sanh con.” Và quả thật, họ là những kẻ nói dối.
- 153.- Ngài (Allah) thích con gái hơn con trai ư?

مَا لَكُمْ كَيْفَ تَحْكُمُونَ ﴿١٥٤﴾ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ﴿١٥٥﴾ أَمْ لَكُمْ سُلْطٰنٌ مُّبِينٌ ﴿١٥٦﴾
 فَاتُوا بِكِتٰبِكُمْ إِن كُنْتُمْ صٰدِقِينَ ﴿١٥٧﴾ وَجَعَلُوا بَيْنَهُ وَبَيْنَ الْجَنَّةِ
 نَسَبًا وَلَقَدْ عَلِمَتِ الْجَنَّةُ إِنَّهُمْ لَمُحْضَرُونَ ﴿١٥٨﴾ سُبْحٰنَ اللَّهِ عَمَّا
 يُصِفُونَ ﴿١٥٩﴾ إِلَّا عِبَادَ اللَّهِ الْمُخْلَصِينَ ﴿١٦٠﴾ فَإِنَّكُمْ وَمَا تَعْبُدُونَ ﴿١٦١﴾
 مَا أَنْتُمْ عَلَيْهِ بِفِتْنِينَ ﴿١٦٢﴾ إِلَّا مَنْ هُوَ صَالِ الْجَحِيمِ ﴿١٦٣﴾ وَمَا مِنَّا إِلَّا
 لَهُ وَمَقَامٌ مَّعْلُومٌ ﴿١٦٤﴾ وَإِنَّا لَنَحْنُ الصّٰفِقُونَ ﴿١٦٥﴾ وَإِنَّا لَنَحْنُ الْمُسَبِّحُونَ
 ﴿١٦٦﴾ وَإِن كَانُوا لَيَقُولُونَ ﴿١٦٧﴾ لَوَ أَنَّ عِنْدَنَا ذِكْرًا مِّنَ الْأَوَّلِينَ ﴿١٦٨﴾ لَكُنَّا
 عِبَادَ اللَّهِ الْمُخْلَصِينَ ﴿١٦٩﴾ فَكْفَرُوا بِهِ ۖ فَسَوْفَ يَعْمُونَ ﴿١٧٠﴾ وَلَقَدْ
 سَبَقَتْ كَلِمَتُنَا لِعِبَادِنَا الْمُرْسَلِينَ ﴿١٧١﴾ إِنَّهُمْ لَهُمُ الْمَنْصُورُونَ ﴿١٧٢﴾
 وَإِن جُنَدُنَا لَهُمُ الْغٰلِبُونَ ﴿١٧٣﴾ فَتَوَلَّ عَنْهُمْ حَتَّىٰ حِينٍ ﴿١٧٤﴾ وَأَبْصَرُهُمْ
 فَسَوْفَ يُبْصَرُونَ ﴿١٧٥﴾ أَفَبِعَذَابِنَا يَسْتَعْجِلُونَ ﴿١٧٦﴾ فَإِذَا نَزَلَ بِسَاحَتِهِمْ
 فَسَاءَ صَبَاحُ الْمُنذَرِينَ ﴿١٧٧﴾ وَتَوَلَّ عَنْهُمْ حَتَّىٰ حِينٍ ﴿١٧٨﴾ وَأَبْصَرَ
 فَسَوْفَ يُبْصَرُونَ ﴿١٧٩﴾ سُبْحٰنَ رَبِّكَ رَبِّ الْعِزَّةِ عَمَّا يَصِفُونَ
 ﴿١٨٠﴾ وَسَلٰمٌ عَلَى الْمُرْسَلِينَ ﴿١٨١﴾ وَالْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعٰلَمِينَ ﴿١٨٢﴾

سورة الصافات

- 154.- Các người có chuyện gì vậy? Các người xử trí ra sao?
- 155.- Thế các người không nhớ hay sao?
- 156.- Hoặc phải chăng các người có đủ thẩm quyền rõ ràng.
- 157.- Thế, hãy mang kinh sách của các người đến nếu các người nói thật!
- 158.- Và họ bịa đặt mối quan hệ thân thuộc giữa Ngài và loài *Jinn* trong lúc loài *Jinn* biết việc chúng sẽ phải trình diện (Allah).
- 159.- Quang vinh và trong sạch thay Allah về những điều họ đã qui cho Ngài!
- 160.- Ngoại trừ các bầy tôi trong sạch của Allah.
- 161.- Và các người và những kẻ (thần linh) mà các người tôn thờ.
- 162.- Các người không thể quyến dụ được ai (có đức tin) chống lại Ngài,
- 163.- Ngoại trừ ai muốn đi vào Lửa cháy (của Hỏa ngục).
- 164.- Không ai trong chúng tôi lại không có một vị trí ấn định;
- 165.- Quả thật, chúng tôi đứng thành hàng.
- 166.- Và quả thật, chúng tôi tán dương Ngài.
- 167.- Và họ (những người Ả-rập ngoại đạo) thường nói:
- 168.- “Giá có được một Lời Nhắc nhở từ tổ tiên của chúng tôi,
- 169.- ‘Thì chắc chắn chúng tôi đã trở thành các bầy tôi chân thành của Allah.’”
- 170.- (Nay đã có Qur’ān), nhưng họ phủ nhận nó; rồi họ sẽ sớm biết!
- 171.- Và Lời phán của TA đã được phán cho các bầy tôi của TA, các Sứ giả,
- 172.- Rằng chắc chắn họ sẽ được trợ giúp,
- 173.- Bằng đoàn thiên binh (Thiên thần) của TA; và sẽ chiến thắng.
- 174.- Bởi thế, hãy tạm lánh xa một thời gian,
- 175.- Và xem họ (xử sự ra sao) và họ sẽ sớm thấy (kết quả)!
- 176.- Thế, phải chăng họ giục việc trừng phạt của TA chóng đến?
- 177.- Nhưng khi nó (hình phạt) đáp xuống sân nhà của họ, thì buổi sáng sẽ là điều thâm cảm cho những người đã được báo trước.
- 178.- Bởi thế, hãy lánh xa họ một thời gian ngắn,
- 179.- Và xem họ (xử sự ra sao); rồi họ sẽ sớm thấy (kết quả)!
- 180.- Quang vinh thay *Rabb* của Người, *Rabb* của Danh dự và Quyền lực! Ngài vô tội về những điều mà họ đã qui cho Ngài.
- 181.- Và *Salām* (Sự Bằng an) cho các vị Sứ giả!
- 182.- Và mọi Lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.